

Bản án số: 136/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Khuông Văn Thông

Bà Nguyễn Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXX-ST ngày 06/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thái Thị M, sinh ngày 24/3/1995 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/12/1989 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Chị M, anh T đều ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979; Nơi thường trú: khu A, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương giao nhận tài liệu với Tòa án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Thái Thị M trình bày (có xác nhận của Văn phòng Kinh Tế Văn Hóa Việt Nam tại Đài Bắc):

Về hôn nhân: Chị và anh T đăng ký kết hôn ngày 04/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện TS, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh T làm dâu và chung sống hòa thuận. Trong thời gian hôn nhân chị luôn có ý thức xây dựng gia đình hạnh phúc, bình đẳng, bền vững, tiến bộ, vợ chồng cùng nhau

chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy bảo con cái. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, vào năm 2017 tình cảm vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sự khác biệt về lối sống, thời gian chung sống không quan tâm yêu thương nên tình cảm mai một, không có sự gắn kết, chia sẻ. Mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Cứ nói chuyện là xảy ra cãi vã, cuộc sống đảo lộn. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Tháng 05/2017 chị đi lao động tại Đài Loan, kể từ đó vợ chồng sống ly thân nhau. Từ khi đi lao động đến nay chị chưa về nước thăm gia đình lần nào. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo D, sinh ngày 08/8/2013. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh T tại địa phương, anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con từ khi chị đi lao động Đài Loan đến nay. Do chị hiện vẫn đang lao động tại Đài Loan, chưa về nước sinh sống nên sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/ 01 tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Quá trình đi đến hôn nhân, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng giống như chị M trình bày. Nay anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy, anh đồng ý ly hôn chị M và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Thái Thị M được ly hôn nhau.

Về con chung: Anh và chị M có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo D, sinh ngày 08/8/2013. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh tại địa phương, anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con từ khi chị M đi lao động Đài Loan đến nay. Do chị M hiện vẫn đang lao động tại Đài Loan, chưa về nước sinh sống nên sau khi ly hôn anh đề nghị giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh đề nghị chị M cấp dưỡng nuôi con chung cho anh với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/ 01 tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Bảo D trình bày: Từ khi sinh ra cho đến nay cháu vẫn sinh sống ổn định cùng bố tại địa phương, được bố chăm sóc cẩn thận, chu đáo. Mẹ cháu hiện đang lao động tại nước ngoài nên nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn sinh sống cùng bố.

Tại phiên tòa, chị Thái Thị M, anh Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Thái Thị M; Bản tự khai của anh Nguyễn Văn T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị M.

Xử cho chị Thái Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Do chị M hiện đang đi lao động ở nước ngoài, cháu D có nguyện vọng được ở với bố nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Bảo D cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thái Thị M phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bảo D cho anh Nguyễn Văn T với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ 01 tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Chị M, anh T không đề nghị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Thái Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viên kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị M khởi kiện xin ly hôn anh T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị M hiện đang lao động tại Đài Loan, anh T là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị M và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện TS, tỉnh Bình Định. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị M khởi kiện xin ly hôn anh T.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M với anh T, Hội đồng xét xử thấy: Chị M, anh T đều xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau. Đến nay anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn chung sống cùng nhau nữa. Do vậy, Hội đồng xác định vợ chồng anh T, chị M không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M với anh T là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị M, anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo D, sinh ngày 08/8/2013. Hiện nay cháu D đang sinh sống cùng anh T. Sau khi ly hôn chị M, anh T đề nghị giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu giao anh T nuôi con chung sau ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay chị M đang lao động tại Đài Loan nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng con chung được. Từ khi chị M đi lao động nước ngoài cho đến nay cháu D vẫn do anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu phát triển ổn định cả về vật chất lẫn tinh thần. Cháu D trên 07 tuổi có nguyện vọng được sing sống cùng bố nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao cháu D cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn của chị M là phù hợp với thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trường hợp chị M về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, chị M có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Sau khi ly hôn chị M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M, anh T có cùng quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi cháu D sau khi ly hôn với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ 01 tháng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị cấp dưỡng nuôi cháu D của chị M và buộc chị M phải cấp dưỡng nuôi cháu D cho anh T với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/ 01 tháng là phù hợp với Điều 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2024 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

[7]. Về tài sản chung, công nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do chị M, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Thái Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thái Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị M đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam có thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Thái Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo D, sinh ngày 08/8/2013 cho anh Nguyễn Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Thái Thị M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Thái Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bảo D cho anh Nguyễn Văn T với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*)/ 01 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2024 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

4. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Chị Thái Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000880 ngày 05/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Chị Thái Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Thái Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã B, huyện TS, tỉnh Bình Định;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Xuân Lộc